

CÔNG TY TNHH HÀ NỘI QUẢNG PHONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ NỘI QUẢNG PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI QUANG PHONG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HA NOI QUANG PHONG CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109928068

3. Ngày thành lập: 10/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 9, Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903257681

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép: Bán buôn gang thỏi, gang kính dạng thỏi; Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L...). - Bán buôn kim loại khác: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình. (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến: - Bán buôn xi măng: Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng; Bán buôn clanhke. - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni: Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm. - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh: Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác... - Bán buôn đồ ngũ kim: Bán buôn đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663

12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	4669
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
20.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
21.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
22.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
24.	Đúc sắt, thép	2431
25.	Đúc kim loại màu	2432
26.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.	2511
27.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
28.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.	2592(Chính)
31.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng Chi tiết: - Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, đĩa, thìa... - Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc; - Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc; - Sản xuất dụng cụ cầm tay như kìm, tua vít; - Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng; - Sản xuất cưa và lưỡi cưa, bao gồm lưỡi cưa tròn và cưa xích; - Sản xuất dụng cụ cầm tay không thay thế, có hoặc không hoạt động năng lượng, hoặc cho các dụng cụ máy: Khoan, dùi, bàn ren, cắt khóa; - Sản xuất dụng cụ ép; - Sản xuất dụng cụ rèn: Rèn, đe... - Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thổi); - Sản xuất mỏ cạp, kẹp; - Sản xuất khóa móc, khóa, chìa khóa, bản lề... phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp...	2593

32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
33.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
34.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
35.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
36.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
37.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
38.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
39.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
40.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
41.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

42.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
43.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
44.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
45.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
46.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
47.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
48.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
49.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
50.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
51.	Sản xuất máy luyện kim	2823
52.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
53.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
54.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
55.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

62.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
63.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	3290
64.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Tái chế phế liệu	3830
67.	Xây dựng nhà để ở	4101
68.	Xây dựng nhà không để ở	4102
69.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
70.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
71.	Xây dựng công trình điện	4221
72.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
73.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
74.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
75.	Xây dựng công trình thủy	4291
76.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
77.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
78.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
79.	Phá dỡ	4311
80.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
81.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG CHUNG	Việt Nam	65 hẻm 173/68/81, phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	030079004501	

2	NGUYỄN VIẾT TÚ	Việt Nam	Thôn Thượng Đình, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	001081041652	
---	-------------------	-------------	--	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIẾT TÚ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/02/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001081041652*

Ngày cấp: *23/07/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thượng Đình, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng Đình, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội